

NÔNG DÂN VÙNG TRUNG DU VÀ THƯỢNG DU BẮC KỲ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG (1941-1945)

THS TRẦN VĂN HÙNG

Trưởng Đại học Hùng Vương

Khi nói về nhiệm vụ xây dựng lực lượng cách mạng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ rõ: “chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa chẳng phải bắt đầu từ sự mua sắm vũ khí hay chế tạo vũ trang, mà bắt đầu bởi sự giác ngộ dân, bởi sự tổ chức quần chúng. Người, trước đã, rồi mới đến súng”. HNTƯ 8 (5-1941) có nhiều quyết định đặc biệt quan trọng, trong đó có vấn đề trực tiếp chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Đảng quyết định lấy miền trung du và thượng du Bắc Kỳ là địa bàn xây dựng căn cứ địa cách mạng.

1. Phong trào nông dân vùng trung du và thượng du Bắc Kỳ (1941-1945)

Trung du và thượng du Bắc Kỳ có địa hình phức tạp và chia cắt. Thời thuộc Pháp, chỉ với hơn một triệu dân, nhưng phân bố trên địa bàn rộng gần 100.000 km². Điều kiện nguồn lực tham gia công tác vận động còn mỏng, các yếu tố kỹ thuật hỗ trợ hoàn toàn chưa có; cư dân ở đây lại đa số là đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách “ngu dân” thâm độc của thực dân Pháp và sự khác nhau về phong tục, tập quán, ngôn ngữ của các dân tộc là những trở ngại lớn cho việc vận động cách mạng. Mặt khác, từ sau khi phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương (9-1940), với địa bàn chiếm đóng chủ yếu ở Bắc Kỳ và sau khởi nghĩa Bắc Sơn, thực dân Pháp đã tăng cường lực lượng cai trị, đàn áp ở trung du và thượng du Bắc Kỳ. Trong hoàn cảnh như vậy, công tác vận động cách mạng đòi hỏi sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng, cách làm sáng tạo của các bộ làm công tác vận động.

Những năm 40 của thế kỷ XX, “khắp miền trung du và thượng du Bắc Kỳ có trên một triệu người, phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số”², mà

đại bộ phận là nông dân. Nhận định thực tiễn tình hình, nhằm chuẩn bị lực lượng cho vận động nông dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, Đảng đã có những chủ trương, chính sách toàn diện để cuộc vận động đạt kết quả.

Ngay từ tháng 12-1940, nhằm chuẩn bị lực lượng cho việc tổ chức vận động cách mạng, dưới sự chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, một lớp 40 thanh niên dân tộc thiểu số đầu tiên của Cao Bằng được tuyển chọn, đào tạo. Lực lượng này được rèn luyện trong thử thách và thực tiễn, vừa “ăn bắp, nắm sương”³, vừa đi lao động vừa làm công tác chính trị với dân làng. Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện, lực lượng này đã được chia nhỏ đi các hướng khác nhau trong toàn tỉnh Cao Bằng làm công tác vận động. Đồng thời, công tác tuyên truyền cũng được Đảng chỉ đạo sát sao, với những phương hướng cụ thể. Đảng đã đưa ra chủ trương đối với công tác tuyên truyền “phải áp dụng một chiến thuật hết sức mềm dẻo thống nhất thích hợp với chính sách cứu quốc của Đảng và sát hợp với tình thế xây ra hàng ngày”⁴. Đảng chủ trương “các ban tình ủy phải có ban tuyên truyền chuyên môn

xuất bản báo riêng ở trong tình để tuyên truyền cho kịp thời"⁵. Mặt trận Việt Minh đã đưa ra chủ trương đúng đắn về quyền lợi cho giai cấp nông dân như: nông dân ai cũng có ruộng đất để cày cấy, giảm địa tô, cứu tế nông dân trong những năm mất mùa,... Từ những việc làm chủ động, sáng tạo, Cao Bằng có sự phát triển nhanh chóng lực lượng Việt Minh. Các đội tự vệ cứu quốc được thành lập, "lực lượng tham gia chủ yếu là nông dân"⁶.

Từ cuối năm 1943, khi phong trào cách mạng ở Cao-Bắc-Lạng phát triển mạnh, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện cuộc đàn áp, khủng bố dã man. Thủ đoạn của thực dân Pháp là vừa dụ dỗ, vừa đàn áp để phá cơ sở cách mạng, tuyệt đường lương thực của cán bộ, sau đó dùng lực lượng quân sự tiêu diệt. Chiêu bài dụ dỗ của thực dân Pháp rất nham hiểm, xảo quyệt: "chớ đi theo bọn người Kinh, và bảo đảm cho những người bí mật được tự do về nhà, hay mời các cán bộ bí mật ra làm việc cho Chính phủ"⁷. Chính sách đó của thực dân Pháp nhằm chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, chia rẽ nhân dân với những người cách mạng. Trong hoàn cảnh đó, nếu những người hoạt động bí mật chủ quan và tin chúng sẽ chẳng khác gì tự thú, sau đó chính sách của chúng là bắt, tra tấn và xử tử. Tuy nhiên, do làm tốt công tác vận động nên đồng bào ở đây vẫn đi theo cách mạng và sự giác ngộ vẫn tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Không đạt được âm mưu dụ dỗ, thực dân Pháp đã thực hiện khủng bố, đàn áp. Để uy hiếp tinh thần những chiến sĩ, chúng tiến hành tịch thu tài sản, bắt người thân, đốt phá nhà cửa, "nhà nào bị tình nghi tư thông với cách mạng là có thể bị tịch thu, cả làng có thể bị triệt hạ"⁸. Đối với những người cách mạng hoạt động bí mật, chúng thực hiện chính sách hành hình, bêu đầu ở những chỗ đông người nếu bắt được nhằm răn đe, khuất phục tinh thần của dân chúng và các chiến sĩ cách

mạng khác. Thực dân Pháp treo thưởng hàng vạn lạng bạc và hàng tấn muối cho ai lấy được đầu của những chiến sĩ cách mạng bí mật. Đồng thời, chúng thực hiện chính sách dồn làng, giới nghiêm từ 6 giờ đến 18 giờ, không cho người trong làng mang lương thực, thực phẩm ra khỏi làng. Chính sách này thực chất là chính sách "tắt nước, bắt cá" nhằm chia rẽ những người nông dân với các chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật. Âm mưu của chúng là tuyệt đường lương thực buộc các chiến sĩ của ta phải đầu hàng hoặc tự chết đói.

Thủ đoạn của thực dân Pháp đã ít nhiều tác động đến người dân. Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã có các chính sách đối phó nhằm củng cố phong trào cách mạng. Đảng đã cho thành lập tiểu tổ bí mật, một tổ gồm tất cả các đồng chí bí mật trong một hoặc hai xã, thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng. Thành phần chủ đạo của các tiểu tổ này là những người nông dân của chính những làng bị địch khủng bố, đàn áp. Tổ này có nhiệm vụ, gần tối rời căn cứ đến địa điểm hẹn trước gặp và giải thích cho các hội viên trung kiên ở dưới làng. Chính những người con của làng giải thích cho các thành viên trong làng mang lại sức thuyết phục và hiệu quả cao nhất. Nhờ đó mà "phong trào dân chúng vẫn duy trì"⁹.

Để tuyên truyền có hiệu quả, Đảng đưa ra chủ trương: "chỉ nên dùng những tiếng rất thông thường cho phù hợp... phải đặt khẩu hiệu thế nào cho tự nhiên, cho quần chúng dễ nhớ và dễ nhận xét"¹⁰. Đồng thời để có thể tuyên truyền đến những người nông dân đông đảo thiếu số, Đảng đưa ra chính sách phù hợp: "các đảng bộ phải nghiên cứu tình hình các dân tộc mà đề xướng thêm những khẩu hiệu mới cho thích hợp với tâm lý và sự nhu yếu thiết thực hàng ngày của họ... Các tỉnh có dân tộc thiểu số phải dùng đủ phương pháp mà xuất bản báo, truyền đơn, và các tài liệu khác bằng chữ dân tộc thiểu số"¹¹.

Ngay từ năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện việc vận động nông dân tham gia Việt Minh bằng bài thơ “Dân cày”, Người kêu gọi: “Muốn phá sạch mối bất bình/Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào”¹². Trong bài “Mười chính sách của Việt Minh”, Người đã nói rõ về quyền lợi người nông dân được hưởng khi tham gia Việt Minh: “Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân/Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền...Nông dân có ruộng, có bò/Đù ăn, đù mặc, khỏi lo cơ hàn”¹³. Cùng thực hiện chủ trương trên, nhằm tạo nên sự truyền cảm, thúc giục lòng yêu nước, đồng viên đồng bào đi theo cách mạng, một số bài hát, bài thơ đã được cán bộ Việt Minh biên soạn theo điệu dân ca Tây, Nùng, Dao,... Các tổ công tác của Cứu quốc quân hòa mình trong phong trào quần chúng, “thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng lao động sản xuất với bà con các dân tộc để cùng cố và phát triển các Hội cứu quốc, các đội tự vệ”¹⁴. Cứu quốc quân đã tổ chức các buổi tuyên truyền bằng hình thức triển lãm tranh ảnh, mít tinh diễn thuyết về tội ác của thực dân Pháp, phát xít Nhật, về những tấm gương hi sinh dũng cảm của các chiến sĩ cách mạng. Với các biện pháp tuyên truyền sát thực, sáng tạo, đồng bào các dân tộc được giác ngộ cách mạng cao, căm thù địch sâu sắc và hăng hái tham gia, ủng hộ cách mạng.

Đồng thời với những hoạt động tuyên truyền, vận động, ở những vùng thuộc Khu giải phóng, Đảng chủ trương thành lập chính quyền cách mạng và thực hiện các chính sách tiền bộ nhằm chứng minh thực tiễn cho nhân dân về chính quyền cách mạng, cùng cố sâu sắc tinh thần cách mạng của họ. Đảng đã chỉ đạo các Ủy ban giải phóng dân tộc, có nhiệm vụ lãnh đạo toàn thể nhân dân như Chính phủ lâm thời Việt Nam để tranh đấu giành lại quyền độc lập cho nước nhà. Chính quyền Khu giải phóng đã thực hiện các chính sách tiền bộ như: thành lập hệ thống các cơ quan trên cơ sở

nguồn nhân lực là con em đồng bào các dân tộc; thực hiện bầu cử và quyền bầu cử cho nhân dân; xây dựng đội tự vệ bảo vệ chính quyền và bảo vệ nhân dân; tổ chức nhân dân khai hoang phát triển sản xuất, thành lập Hợp tác xã buôn bán; tổ chức các lớp học, mở trường cứu quốc sơ cấp; xây dựng các tờ báo địa phương;...

Năm 1944, địch tiến hành nhiều đợt khủng bố ác liệt nhất, nhưng vẫn không thể kiểm soát, khống chế được các hoạt động của quần chúng ủng hộ và đi theo cách mạng, mối liên hệ giữa đồng bào với cán bộ hoạt động bí mật vẫn được duy trì. “Khắp tất cả các tỉnh của khu Giải phóng sau này đều đã có cơ sở quần chúng... phong trào đã bị khủng bố và đã được khủng bố rèn luyện cho để tiến lên khởi nghĩa”¹⁵. Trên cơ sở đó, nơi đây trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng, nơi thí điểm các hoạt động của chính quyền cách mạng, đặc biệt là nơi Đảng ta rút kinh nghiệm cho công tác vận động, xây dựng căn cứ địa trên địa bàn cả nước, hình thành thể “thôn quê bao vây thành thị... mà lực lượng chủ yếu là nông dân”¹⁶. Từ đó làm xuất hiện “phong trào tiền khởi nghĩa từ miền Bắc nổi dậy như một cơn bão táp đã truyền đi rất nhanh trong toàn quốc”¹⁷, đưa đến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền nhanh chóng trong cả nước và ít đổ máu.

2. Một số nhận xét và kinh nghiệm

Từ trong công tác vận động cách mạng thời kỳ 1941-1945 ở vùng trung du, thượng du Bắc Kỳ, nơi mà tuyệt đại bộ phận là nông dân đồng bào dân tộc ít người cho thấy những điểm tích cực rất riêng về người nông dân Việt Nam. Thực tế, giai cấp nông dân là giai cấp có đặc điểm gắn liền với tiêu nông tư hữu, gắn liền với ruộng đất. Trong thời kỳ này, Đảng chủ trương tạm gác khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày” xác định “Dân tộc giải phóng” là nhiệm vụ cần kíp

và trên hết nhưng ở vùng trung du và thượng du Bắc Kỳ nói riêng, trong cả nước nói chung, những người nông dân vẫn tiếp tục tham gia cách mạng đông đảo, nhiệt thành hơn. Điều này cho thấy rằng, người nông dân Việt Nam có tinh thần giác ngộ cách mạng rất cao, họ đã đặt vấn đề quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi giai cấp, vấn đề giải phóng dân tộc lên trên quyền lợi về ruộng đất.

Mặt khác, cuộc vận động cho thấy những người nông dân vùng trung du, thượng du Bắc Kỳ có tinh thần cách mạng kiên cường. Trở thành vùng căn cứ cách mạng, cho nên khác với các vùng khác trong cả nước, nơi đây chịu sự đàn áp, khủng bố ác liệt, dẫm máu, tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Nhiều làng mạc bị triệt phá, nhiều người thân bị sát hại, nhưng những người nông dân vẫn kiên cường, bền bỉ bám đất, giữ đất, bảo đảm tuyệt đối bí mật cho những người cách mạng. Đồng thời chính họ trở thành lực lượng đông đảo bổ sung cho cách mạng, đưa cách mạng phát triển. Chính sự giác ngộ, ủng hộ tích cực và kiên định của những người nông dân yêu nước, nên nơi đây đã trở thành căn cứ địa vững chắc của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và căn cứ địa vững chắc của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954.

Từ trong công tác vận động cách mạng ở vùng trung du, thượng du Bắc Kỳ (1941-1945) có thể đúc kết những kinh nghiệm quý về công tác vận động cách mạng nói chung, vận động cách mạng đối với giai cấp nông dân nói riêng.

Thứ nhất, đề vận động nông dân có hiệu quả, Đảng phải đưa ra được chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nông dân. Trong đó, trước hết phải nói đến chính sách dân tộc bình đẳng, các chính sách phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng tha thiết của đồng bào mà trong đó đa phần là nông dân các dân tộc ít người.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, vận động cần linh hoạt phù hợp với địa bàn, phù hợp với tình hình cụ thể, phù hợp với trình độ của các dân tộc, phù hợp với ngôn ngữ và phong tục tập quán mỗi dân tộc trong cộng đồng Việt Nam.

Thứ ba, thống nhất giữa tuyên truyền với hoạt động thực tiễn của cách mạng, giữa mục tiêu lý tưởng của Đảng với lợi ích thiết thân của nông dân để tạo nên sự ủng hộ sâu sắc, rộng rãi của nông dân.

Những kinh nghiệm trong công tác vận động cách mạng đối với nông dân ở vùng trung du và thượng du Bắc Kỳ thời kỳ 1941-1945 có thể vận dụng sáng tạo cho công tác dân vận hiện nay của Đảng, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1, 2, 3, 7, 8, 9, 15. Võ Nguyên Giáp: *Khu giải phóng - một sự nghiệp vĩ đại của phong trào dân tộc giải phóng*, Nxb Cửu quốc, 1946, tr. 10, 10, 10, 15, 15, 17, 19

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.7, tr. 126, 127

6. Hội Nông dân Việt Nam: *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 1998, tr. 138

10, 11. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Khu tự trị Việt Bắc: *Khu Thiệt Thuật trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám*, Nxb Việt Bắc, 1972, tr. 71, 71

12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T.3, tr. 201

13, 16, 17. Trần Huy Liệu: *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Quyển thứ hai, tập Hạ, Nxb Sử học, H, 1961, tr. 205, 210, 214

14. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Khu tự trị Việt Bắc: *Lịch sử Cửu quốc quân*, Nxb Việt Bắc, 1975, tr. 84.